

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 492/TTr-SXD ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng như sau:

1. Công bố 26 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, trong đó: 20 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh; 06 danh mục thủ tục hành chính cấp huyện, thành phố và bãi bỏ các danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mục I, phần B; số thứ tự 4, 5 mục II, phần A và danh mục thủ tục hành chính cấp huyện, thành phố có số thứ tự 3, 4, 5, 6, 7, 8 mục III, phần B tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong Lĩnh vực Hoạt động Xây dựng; Lĩnh vực Nhà ở, Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản; Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Công bố 02 danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng có số thứ tự 9,10 mục I, phần A tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong Lĩnh vực Hoạt động Xây dựng; Lĩnh vực Nhà ở, Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản; Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Phê duyệt 28 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng gồm: 22 quy trình cấp tỉnh (trong đó 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông UBND tỉnh; 21 quy trình không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Xây dựng); 06 quy trình giải quyết cấp huyện, thành phố và bãi bỏ 28 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 mục I, phần B, Phụ lục II tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nhà ở, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng và số thứ tự 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, mục I, phần A, biểu số 01; số thứ tự 1, phần I, mục B, Biểu số 02; số thứ tự 3, 4, 5, 6, 7, 8 mục I, phần C, Biểu số 03 tại Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Giao cho các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.(40b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH: 20 TTHC					
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG: 20 TTHC					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

						<i>thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
2	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý</i>

						<i>nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ còn thời hạn nhưng bị mất hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây</i>

						<i>dụng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Không quy định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i>

						- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
5	Cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-

						BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
6	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày

						24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
7	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài

						chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
8	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	1.000.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp

						lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
9	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (do mất, hư hỏng)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ

						phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
10	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt

						động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
11	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp

						chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
12	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng/Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (đối với hội viên của mình)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến

						trúc sư.
13	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- 27 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm B, trong đó (thời gian thẩm định cơ quan chuyên môn 20 ngày + 07 ngày thời gian phê duyệt của UBND tỉnh) - 20 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó (thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng 15 ngày + 05 ngày thời gian phê duyệt của UBND tỉnh)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển

						khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La; - Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La trong công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật , thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.
14	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- 27 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm B, <i>trong đó (thời gian thẩm định cơ quan chuyên môn 20 ngày + 07 ngày thời gian phê duyệt</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Ban Quản lý các khu	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về

		<i>của UBND tỉnh)</i> - 20 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó (thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng 15 ngày + 05 ngày thời gian phê duyệt của UBND tỉnh)	công nghiệp tỉnh			quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La; - Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh
--	--	---	-------------------------	--	--	---

						Son La trong công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.
15	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - <i>Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND</i>

						<i>ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.</i>
16	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến /Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực xây dựng;

						vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
17	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày

	đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).					20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
18	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài,	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về

	tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).					quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
19	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định

	tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).		Khu công nghiệp tỉnh			15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
20	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với	05 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch	Theo Quy định của	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi,

	công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Hội đồng nhân dân tỉnh	bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - <i>Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng</i>
--	--	--------------------------	---	--	-------------------------------	--

						<i>trên địa bàn tỉnh Sơn La.</i>
B	DANH MỤC TTHC CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ: 06 TTHC					
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô

						<i>công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.</i>
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số

						27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các

	thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.					<i>Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - <i>Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.</i>
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - <i>Nghị định số</i>

	không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.					35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết

	giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.					một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	Theo Quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

	Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.					- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.
--	---	--	--	--	--	---

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG***(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	<i>Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài</i>	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	2.000.000 đồng/quyết định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ

							sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
2	Điều chỉnh cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	<i>Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho Nhà thầu nước ngoài</i>	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	2.000.000 đồng/quyết định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ

							quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
--	--	--	--	--	--	--	---

Phụ lục III**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 01 Quy trình****1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

1.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (cơ quan thẩm định chỉ tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng); đối với các công trình dự án nhóm B.

Thời hạn thực hiện: 27 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời gian thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng 20 ngày + 07 ngày phê duyệt của UBND tỉnh).

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phân công thụ lý phòng Quản lý xây dựng; thực hiện thẩm định, phê duyệt	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả; kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả	16,5 ngày

		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Bộ phận TN&TKQ Văn phòng UBND tỉnh	Các văn bản trình liên thông	0,5 ngày
			Trường hợp ban hành văn bản đề nghị thẩm tra, bổ sung hồ sơ (không liên thông với UBND tỉnh)	
B5	Liên thông Ủy ban nhân dân tỉnh			07 ngày
B6	Bộ phận TN&TKQ Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				27 ngày

1.2. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trường hợp các công trình dự án nhóm C

- Thời hạn thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*trong đó thời gian thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng 15 ngày + 05 ngày thời gian phê duyệt của UBND tỉnh*).

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày

		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả; kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Bộ phận TN&TKQ Văn phòng UBND tỉnh	Các văn bản trình liên thông	0,5 ngày
			Trường hợp ban hành văn bản đề nghị thẩm tra, bổ sung hồ sơ (không liên thông với UBND tỉnh)	
B5	Liên thông Ủy ban nhân dân tỉnh			05 ngày
B6	Bộ phận TN&TKQ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG: 21 Quy trình

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu, hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

2. Thủ tục cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ còn hạn nhưng bị mất, hư hỏng)

- Theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	6,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

4. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)

- Theo quy định của pháp luật là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,25 ngày
		Chuyên viên	Các văn bản liên quan	3,75 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	0,25 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,25 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

5. Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

6. Thủ tục cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài

- Theo quy định của pháp luật là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

7. Thủ tục cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

8. Thủ tục cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

9. Thủ tục cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)

- Theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	6,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

10. Thủ tục cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin):

- Theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	6,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

11. Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

12. Thủ tục cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ	16,5 ngày
B3	Phê duyệt Chứng chỉ	Lãnh đạo Sở	Chứng chỉ	01 ngày
B4	Bàn giao	Chuyên viên	Scan chứng chỉ	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Chứng chỉ	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

13. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho Nhà thầu nước ngoài

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày

B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	11,5 ngày
B3	Ký duyệt	Giám đốc Sở	Quyết định	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan quyết định	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Quyết định	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

14. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho Nhà thầu nước ngoài

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Giám định xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Các văn bản liên quan	11,5 ngày

B3	Ký duyệt	Giám đốc Sở	Quyết định	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan quyết định	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Quyết định	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

15. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

15.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (cơ quan thẩm định chỉ tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng); đối với các công trình dự án nhóm B

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả; kiểm tra hồ	17,5 ngày

			sơ Báo cáo nghiên cứu khả	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Thu phí lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Trả kết quả	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

15.2. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trường hợp các công trình dự án nhóm C

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có);	12 ngày

			kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả; kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Thu phí lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Trả kết quả	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

15.3. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở /điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở các công trình cấp II, cấp III

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ Báo cáo	17,5 ngày

			nghiên cứu khả; kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả	
		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Thu phí lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Trả kết quả	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

15.4. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở /điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình còn lại

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả; kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả	12,5 ngày

		Lãnh đạo phòng	Xét duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Thu phí, lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Trả kết quả	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

16. Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị, (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

17. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến /Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

18. Cấp giấy phép di dời công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

19. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

20. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị, (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	2,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	0,5 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	0,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,25 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

21. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Scan hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng Quản lý xây dựng	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	2,75 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	0,5 ngày

B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo sở phụ trách	Giấy phép	0,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,25 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng	Giấy phép	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ: 06 Quy trình.

1. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	1,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

2. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình

Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	1,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

3. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	1,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

4. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	06 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	1,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,5 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

5. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	0,5 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,25 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

6. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Scan hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng chuyên môn (tên phòng thực hiện)	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Phê duyệt	0,5 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên	Scan giấy phép	0,25 ngày
B5	Thu Lệ phí và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố	Giấy phép	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

